

Số: 3253 /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 18 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định về thu tiền sử dụng nước và quản lý,  
sử dụng tiền nước sinh hoạt từ công trình cấp nước sinh hoạt  
nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15/5/2012 về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài Chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: 486 /TTr-STC ngày 30/6/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành quy định về thu tiền sử dụng nước và quản lý, sử dụng tiền nước sinh hoạt từ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, với nội dung cụ thể như sau:

**1. Đối tượng nộp, thu tiền sử dụng nước.**

a) Đối tượng nộp tiền sử dụng nước: Các tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng nước hoặc làm dịch vụ cấp nước từ công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đã xây dựng trên địa bàn tỉnh, không phân biệt nguồn vốn đầu tư.

b) Đơn vị thu tiền sử dụng nước: Các tổ chức, cá nhân được UBND cấp xã giao trực tiếp quản lý khai thác và bảo vệ công trình, thu tiền sử dụng nước thông qua hình thức ký hợp đồng sử dụng nước sinh hoạt.

**2. Mức thu tiền sử dụng nước:**

a) Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung do cấp xã quản lý, khai thác, được thu tiền sử dụng nước theo giá đảm bảo an sinh xã hội, phù hợp với khả năng chi trả của người hưởng lợi, bù đắp một phần chi phí quản lý.

- Giá thu cụ thể cho các đối tượng sử dụng thực hiện theo biểu sau:

TT	Đối tượng sử dụng	Công trình thuộc xã, thôn phân theo khu vực (đồng/m <sup>3</sup> )		
		KV I	KV II	KV III
1	Cấp nước sinh hoạt các hộ gia đình sử dụng trong định mức ( <i>định mức là <math>\leq 2,5 m^3</math>/người/tháng</i> )	3.000	2.500	2.000
2	Các hộ gia đình sử dụng vượt định mức ( <i>tính cho <math>m^3</math> nước vượt quá định mức</i> )	3.600	3.000	2.400
3	Cấp nước sinh hoạt cho trường học	2.400	2.000	1.600
4	Cấp nước sinh hoạt cho cơ quan, doanh nghiệp.	3.400	2.800	2.200
5	Cấp nước cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh dịch vụ khác	6.000	5.000	4.000

b) Quy định áp dụng:

- Các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I quy định tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

- Trường hợp các hộ gia đình không có đồng hồ đo nước: Khoản thu theo mức quy đổi  $4m^3$ /người/tháng. Nếu không xác định được theo số người sử dụng, thì tính theo hộ  $16m^3$ /hộ/tháng. Giá thu theo mức 1 bảng trên.

- Trường hợp các cơ quan, đơn vị không có đồng hồ đo nước: Cấp nước cho trường học, chợ, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các hộ dùng nước cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, dịch vụ khác, yêu cầu phải có đăng ký với đơn vị quản lý và phải lắp đặt bổ sung đồng hồ để thu theo biểu quy định tại bảng trên.

- Các tổ chức quản lý trực tiếp có thể thu với mức giá cao hơn quy định ở bảng nêu trên trong trường hợp các hộ sử dụng nước đồng thuận nhất trí với giá thu đó và được UBND xã phê duyệt giá thu riêng, nhưng giá thu tối đa không quá 6.000 đồng /m<sup>3</sup>.

- Trường hợp công trình giao cho Doanh nghiệp tư nhân hoặc đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, các đơn vị này có trách nhiệm xây dựng phương án mức thu riêng cho từng công trình, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

### **3. Quản lý và sử dụng tiền nước thu được từ công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn**

a) Tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn có trách nhiệm ký hợp đồng dịch vụ cấp nước với tổ chức, cá nhân sử dụng nước. Giá tiêu thụ nước sinh hoạt nông thôn được tính theo biểu giá quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1, Quyết định này.

b) Đơn vị được giao nhiệm vụ thu tiền sử dụng nước khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: Có quyết định thành lập và giao quyền quản lý công trình của cơ quan có thẩm quyền; có quyết định phê duyệt phương án thu tiền nước cho từng đối tượng sử dụng nước của công trình; Hợp đồng sử dụng nước giữa đơn vị thu với hộ sử dụng nước sinh hoạt. Đơn vị thu phải mở sổ sách theo dõi và có chứng từ thu, tất cả các khoản thu được nộp vào ngân sách cấp xã.

c) Kinh phí thu được từ người hưởng lợi, được sử dụng như sau:

- Trích 5% tổng số kinh phí thu, để sử dụng cho các hoạt động chỉ đạo quản lý công trình cấp nước sinh hoạt trong xã, kinh phí này được sử dụng cùng với kinh phí cấp bù tiền dịch vụ thủy lợi cho các hoạt động chung của Ban thủy lợi xã.

- Số kinh phí còn lại (95%): Ngân sách xã cân đối cấp lại cho đơn vị thu sử dụng cho công tác quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, nâng cấp, bảo vệ công trình, cụ thể: UBND xã trực tiếp chi công cho người quản lý, mức chi tùy theo kinh phí thu được nhưng không vượt quá mức lương tối thiểu vùng quy định đối với doanh nghiệp; Số còn lại cộng chung với nguồn hỗ trợ từ ngân sách để sửa chữa công trình cấp nước trong xã, UBND xã căn cứ tổng nguồn kinh phí thu được dành cho sửa chữa quyết định danh mục sửa chữa (*không phân đều theo công trình*).

d) Người đứng đầu đơn vị thu, căn cứ kinh phí được ngân sách xã cấp, nguyên tắc sử dụng, định mức chi theo quy chế chi tiêu của đơn vị, thực hiện chi trả trực tiếp cho các nội dung chi hành chính và công tác vận hành, bảo dưỡng thường xuyên. Riêng kinh phí sử dụng cho sửa chữa, nâng cấp công trình phải lập dự toán đúng định mức kinh tế kỹ thuật, trình UBND xã phê duyệt để thực hiện.

đ) Kết thúc năm, đơn vị thu lập báo cáo quyết toán thu, chi để báo cáo UBND cấp xã và thực hiện công khai tài chính với cộng đồng hưởng lợi. UBND cấp xã, UBND cấp huyện kiểm tra, tổng hợp, báo cáo đánh giá hiệu quả các công trình đang giao cho tổ chức, cộng đồng thực hiện thu, chi tiền sử dụng nước trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 30 tháng 10 hàng năm để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện.**

1. Quá trình thực hiện quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc không còn phù hợp do biến động giá cả thị trường, UBND tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu trình UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Các tổ chức cá nhân được giao quản lý khai thác và làm dịch vụ cấp nước sinh hoạt phải có kế hoạch phát triển nguồn nước và mạng phân phối nước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, nâng cao chất lượng phục vụ cấp nước; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, báo cáo tình hình tiêu thụ nước sạch, thu tiền nước đúng giá và phù hợp với từng đối tượng; kịp thời có biện pháp khắc phục tình trạng thất thoát nước và chống thất thu tiền nước.

3. Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện.

**Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành.**

1. Thời điểm áp dụng: Từ ngày 01/01/2017.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *Q*

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính;
- TT. TU, HĐND UBND tỉnh;
- TT. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Các sở: Tài chính, Tư pháp;
- Công báo Lào Cai;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- BBT Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH12,3, TNMT2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Xuân Phong**